

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI CHÍNH

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 109/2018/TT-BTC

Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2018

THÔNG TƯ

Hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho Quỹ Tích lũy trả nợ

Căn cứ Luật quản lý nợ công ngày 23 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Kế toán ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 94/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về nghiệp vụ quản lý nợ công;

Căn cứ Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 92/2018/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về quản lý và sử dụng Quỹ Tích lũy trả nợ;

Căn cứ Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kế toán;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát kế toán, kiểm toán,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho Quỹ Tích lũy trả nợ.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về chứng từ kế toán, tài khoản kế toán, sổ kế toán, báo cáo tài chính và các nội dung tổ chức công tác kế toán khác để hạch toán kế toán các nghiệp vụ kinh tế, tài chính liên quan đến hoạt động của Quỹ Tích lũy trả nợ theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng cho Cục Quản lý Nợ và Tài chính đối ngoại - Bộ Tài chính và các tổ chức cá nhân có liên quan.

Điều 3. Nhiệm vụ của kế toán Quỹ Tích lũy trả nợ

Kế toán Quỹ Tích lũy trả nợ có nhiệm vụ:

1. Thu thập, xử lý, kiểm tra, giám sát và phân tích thông tin về tình hình thu hồi nợ cho vay lại trong nước từ nguồn vay nước ngoài của Chính phủ; thu dự phòng rủi ro đối với khoản cho vay lại; thu phí quản lý cho vay lại; các khoản thu phí bảo lãnh của Chính phủ và lãi phạt chậm trả đối với khoản phí bảo lãnh (nếu có) để đảm bảo việc trả nợ các khoản vay nước ngoài về cho vay lại của Chính phủ; thu hồi các khoản ứng vốn từ Quỹ Tích lũy trả nợ; các khoản thu từ nghiệp vụ cơ cấu lại nợ, danh mục nợ; các khoản thu lãi tiền gửi, cho vay, ủy thác quản lý vốn và đầu tư của Quỹ và các khoản thu khác theo quy định.

2. Thu thập, xử lý, kiểm tra, giám sát và phân tích thông tin về tình hình chi trả nợ nước ngoài (gồm cả gốc, lãi và phí (nếu có)) đối với khoản vay về cho vay lại; tình hình ứng vốn để trả nợ nước ngoài đối với các khoản vay về cho vay lại, bảo lãnh Chính phủ theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; các khoản chi nghiệp vụ quản lý nợ công; các khoản cho NSNN vay, đầu tư vốn nhân rồi, mua trái phiếu Chính phủ theo quy định của Luật Quản lý nợ công và quy định tại Nghị định số 92/2018/NĐ-CP và các khoản chi khác theo quy định.

3. Theo dõi nguồn dự phòng rủi ro, xử lý các rủi ro có thể xảy ra trong trường hợp Chính phủ bảo lãnh cho các doanh nghiệp và tổ chức tín dụng vay nước ngoài và các khoản chi cho hoạt động quản lý Quỹ.

Điều 4. Phương pháp kế toán Quỹ Tích lũy trả nợ

Kế toán Quỹ phải thực hiện theo các phương pháp, nguyên tắc quy định tại Luật Kế toán, Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kế toán (sau đây gọi tắt là Nghị định số 174/2016/NĐ-CP) và các nội dung hướng dẫn tại Thông tư này.

Điều 5. Đơn vị tính sử dụng trong kế toán Quỹ Tích lũy trả nợ

1. Đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam (ký hiệu quốc gia là “đ”, ký hiệu quốc tế là “VND”). Trong trường hợp phát sinh ngoại tệ, phải mở sổ theo dõi nguyên tệ trên Tài khoản 007 “Ngoại tệ các loại” và quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá quy định.

2. Khi lập báo cáo tài chính tổng hợp, báo cáo quản trị tổng hợp, nếu có số liệu báo cáo trên 9 chữ số thì được lựa chọn sử dụng đơn vị tiền tệ rút gọn là nghìn đồng, nếu trên 12 chữ số thì được lựa chọn sử dụng đơn vị tiền tệ rút gọn là triệu đồng, nếu trên 15 chữ số thì được lựa chọn sử dụng đơn vị tiền tệ rút gọn là tỷ đồng.

Khi sử dụng đơn vị tiền tệ rút gọn, được làm tròn số bằng cách: chữ số sau chữ số đơn vị tiền tệ rút gọn nếu bằng năm (5) trở lên thì được tăng thêm một (1) đơn vị; nếu nhỏ hơn năm (5) thì không tính.

Điều 6. Kỳ kế toán Quỹ Tích lũy trả nợ

Kỳ kế toán gồm kỳ kế toán năm, kỳ kế toán quý, được quy định như sau:

1. Kỳ kế toán năm là mười hai tháng, tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

2. Kỳ kế toán quý là ba tháng, tính từ đầu ngày 01 tháng đầu quý đến hết ngày cuối cùng của tháng cuối quý.

Điều 7. Tự kiểm tra tài chính, kế toán

1. Quỹ chịu sự kiểm tra về nội dung công tác kế toán, tổ chức bộ máy kế toán và người làm kế toán theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Hàng năm, Cục Quản lý Nợ và Tài chính đối ngoại phải thực hiện tự kiểm tra tài chính, kế toán của Quỹ theo quy định của pháp luật hiện hành về tự kiểm tra tài chính kế toán.

Điều 8. Trách nhiệm quản lý tài khoản giao dịch và hoạt động của Quỹ Tích lũy trả nợ

Quỹ mở tài khoản giao dịch bằng ngoại tệ và tiền Việt Nam tại Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng thương mại theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị định số 92/2018/NĐ-CP ngày 26/6/2018 của Chính phủ về quản lý và sử dụng Quỹ Tích lũy trả nợ.

Điều 9. Trách nhiệm quản lý, sử dụng, cung cấp thông tin, tài liệu kế toán

1. Cục Quản lý Nợ và Tài chính đối ngoại xây dựng quy chế quản lý, sử dụng, bảo quản tài liệu kế toán, trong đó quy định rõ trách nhiệm và quyền hạn đối với từng bộ phận và từng người làm kế toán; phải bảo đảm đầy đủ cơ sở vật chất, phương tiện quản lý, bảo quản tài liệu kế toán;

2. Cục Quản lý Nợ và Tài chính đối ngoại có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu kế toán kịp thời, đầy đủ, trung thực cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện chức năng theo quy định của pháp luật. Các cơ quan được cung cấp tài liệu kế toán phải có trách nhiệm giữ gìn, bảo quản tài liệu kế toán trong thời gian sử dụng và phải hoàn trả đầy đủ, đúng hạn tài liệu kế toán đã sử dụng;

3. Việc cung cấp thông tin, tài liệu cho các đối tượng do Cục trưởng Cục Quản lý Nợ và Tài chính đối ngoại quyết định theo quy định của pháp luật. Việc khai thác, sử dụng tài liệu kế toán phải được sự đồng ý bằng văn bản của Cục trưởng Cục Quản lý Nợ và Tài chính đối ngoại hoặc người được ủy quyền.

Điều 10. Tổ chức bộ máy kế toán

Cục Quản lý Nợ và Tài chính đối ngoại tổ chức bộ máy kế toán để thực hiện chế độ kế toán áp dụng cho Quỹ Tích lũy trả nợ, bố trí người làm chủ tài khoản, Kế toán trưởng (hoặc người phụ trách kế toán) theo quy định tại Nghị định số 92/2018/NĐ-CP ngày 26/6/2018 và theo quy định tại Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016.

**Chương II
CHỨNG TỪ KẾ TOÁN****Điều 11. Quy định chung về chứng từ kế toán**

1. Chứng từ kế toán được thực hiện theo quy định tại Luật kế toán và Nghị định 174/2016/NĐ-CP.

2. Các nội dung cụ thể được quy định tại Điều 12, 13, 14 Thông tư này.

Điều 12. Lập chứng từ kế toán

1. Mọi nghiệp vụ kinh tế, tài chính liên quan đến hoạt động của Quỹ đều phải lập chứng từ kế toán. Chứng từ kế toán chỉ lập một lần cho một nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh;
2. Nội dung chứng từ phải rõ ràng, trung thực với nội dung nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh;
3. Chữ viết trên chứng từ phải rõ ràng, không tẩy xóa, không viết tắt;
4. Số tiền viết bằng chữ phải khớp, đúng với số tiền viết bằng số;
5. Chứng từ kế toán phải được lập đủ số liên theo quy định cho mỗi chứng từ. Đối với chứng từ lập nhiều liên phải được lập một lần cho tất cả các liên theo cùng một nội dung bằng máy tính, máy chữ hoặc viết lòng bằng giấy than. Trường hợp đặc biệt phải lập nhiều liên nhưng không thể viết một lần tất cả các liên chứng từ thì có thể viết hai lần nhưng nội dung tất cả các liên chứng từ phải giống nhau;
6. Các chứng từ kế toán được lập bằng máy vi tính phải đảm bảo nội dung quy định và tính pháp lý cho chứng từ kế toán. Các chứng từ kế toán dùng làm căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán phải có định khoản kế toán.

Điều 13. Ký chứng từ kế toán

1. Mọi chứng từ kế toán phải có đủ chữ ký theo chức danh quy định trên chứng từ mới có giá trị thực hiện. Riêng chứng từ điện tử phải có chữ ký điện tử theo quy định của pháp luật. Tất cả các chữ ký trên chứng từ kế toán đều phải ký bằng bút bi hoặc bút mực, không được ký bằng mực đỏ, bằng bút chì hoặc dấu khắc sẵn chữ ký. Chữ ký trên chứng từ kế toán dùng để chi tiền phải ký theo từng liên. Chữ ký trên chứng từ kế toán của một người phải thống nhất và phải đúng với chữ ký đã đăng ký theo quy định, trường hợp không đăng ký chữ ký thì chữ ký lần sau phải thống nhất với chữ ký các lần trước đó.
2. Chữ ký của Cục trưởng Cục Quản lý Nợ và Tài chính đối ngoại (hoặc người được ủy quyền), của Kế toán trưởng (hoặc người được ủy quyền) và dấu đóng trên chứng từ phải phù hợp với mẫu dấu và chữ ký còn giá trị đã đăng ký tại Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng thương mại. Chữ ký của kế toán viên trên chứng từ phải giống chữ ký trong sổ đăng ký mẫu chữ ký. Kế toán trưởng (hoặc người được ủy quyền) không được ký “thừa ủy quyền” của Cục trưởng Cục Quản lý Nợ và Tài chính đối ngoại. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác.